

UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ Y TẾ

Số: 10 /TB-SYT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 01 năm 2019

THÔNG BÁO
Kết quả tuyển dụng viên chức năm 2018

Căn cứ Luật viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định 1324/2016/QĐ-UBND ngày 11/7/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định một số nội dung về tuyển dụng viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố;

Sở Y tế Hải Phòng thông báo kết quả xét tuyển viên chức tại Bệnh viện Tâm thần như sau:

1. Về kết quả điểm xét tuyển: Các vị trí

(Có danh sách kèm theo)

2. Thời gian, địa điểm nhận đơn phúc khảo kết quả xét tuyển

Nếu có thắc mắc về điểm số xét tuyển của mình các thí sinh gửi đơn phúc khảo về Ủy viên thư ký Hội đồng tuyển dụng, thời gian từ 7 giờ ngày 15 tháng 01 năm 2019 đến 17 giờ ngày 28 tháng 01 năm 2019.

Vậy Sở Y tế Hải Phòng xin thông báo tới tất cả các thí sinh được biết./. *ng*

Nơi nhận:

- VP (đăng công TT);
- Niêm yết tại bảng tin ĐV;
- Lưu VT, TCCB(4). *ng*



GIÁM ĐỐC

Phạm Thu Xanh

THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC BỆNH VIỆN TÂM THẦN NĂM 2018

Stt	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh		Trình độ chuyên môn đào tạo	Điểm trung bình học tập	Điểm trung bình tốt nghiệp	Điểm kiểm tra, sát hạch (Hệ số 2)	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ						
I	Vị Trí công tác Kế hoạch tổng hợp: 02 bác sỹ - 02 hồ sơ dự tuyển								
1	Phạm Thị Mừng		09/03/1990	Bác sỹ Y học dự phòng	75	83.35	92.5	343.35	
2	Nguyễn Văn Phúc	16/09/1964		Bác sỹ y tế tuyến cơ sở	64.79	75	86.5	312.79	
II	Vị Trí công tác Đào tạo - chỉ đạo tuyển: 01 bác sỹ - 01 hồ sơ dự tuyển								
1	Trương Đăng Anh Vân		29/08/1990	Bác sỹ đa khoa	76.02	80	90	336.02	
III	Vị Trí Khám bệnh, chữa bệnh: 11 bác sỹ - 11 hồ sơ dự tuyển								
1	Đỗ Phương Linh		22/2/1994	Bác sỹ đa khoa	77.11	78.67	95.5	346.78	
2	Bùi Thị Kim Thoa		10/01/1994	Bác sỹ đa khoa	77.41	80	93.5	344.41	
3	Nguyễn Thị Lan Anh		13/08/1994	Bác sỹ đa khoa	75.48	75	96.5	343.48	



4	Đồng Thị Thanh Bình		08/10/1993	Bác sỹ đa khoa	72.17	81.67	94	341.84	
5	Hồ Thu Nga		03/10/1994	Bác sỹ đa khoa	70.18	85	92	339.18	
6	Đỗ Thị Hồng Nhung		08/10/1993	Bác sỹ đa khoa	74.05	75	95	339.05	
7	Nguyễn Thị Quyên		09/01/1992	Bác sỹ đa khoa	68.95	78.33	95	337.28	
8	Trần Thị Thúy Quỳnh		13/12/1994	Bác sỹ đa khoa	70.78	80.67	92	335.45	
9	Đặng Tiến Thành	09/11/1994		Bác sỹ đa khoa	71.63	71.67	96	335.3	
10	Nguyễn Quang Tuấn	06/10/1989		Bác sỹ Y học cổ truyền	70.64	70.64	96	333.28	
11	Nguyễn Thành Luân	05/04/1990		Bác sỹ đa khoa	64.26	62.47	86.5	299.73	
IV	Vị trí Chẩn đoán hình ảnh: 02 bác sỹ - 02 hồ sơ								
1	Phạm Thị Huyền		06/04/1994	Bác sỹ đa khoa	70.06	78.9	92	332.96	
2	Nguyễn Phương Hậu		01/8/1994	Bác sỹ đa khoa	73.98	76.67	90.75	332.15	
V	Vị trí kế toán: 01 Cử nhân kế toán, 01 cử nhân quản trị tài chính kế toán - 02 hồ sơ								
1	Bùi Thị Quỳnh Hương		03/02/1990	CN Kế toán	69.54	69.54	95	329.08	

2	Trương Thị Phương Anh		09/10/1984	CN Quản trị tài chính kế toán	57.08	75	97.5	327.08	
VI	Vị trí Kiểm soát nhiễm khuẩn: 01 kỹ sư quản lý tài nguyên và môi trường có chứng chỉ Kiểm soát nhiễm khuẩn và chuyên khoa định hướng y tế công cộng - 01 hồ sơ								
1	Trần Hải Linh		23/01/1993	Kỹ sư Quản lý tài nguyên và môi trường	63.33	80	95.5	334.33	
VII	Vị trí Dược: 01 Dược sỹ cao đẳng - 01 hồ sơ								
1	Nguyễn Hồng Phúc	30/4/1995		Dược sỹ Cao đẳng	66.58	66.58	98	329.16	Học theo tín chỉ
VIII	Vị trí chăm sóc bệnh nhân: 26 trung học ngành điều dưỡng trở lên và trung cấp y có chứng chỉ chuyển đổi điều dưỡng - 27 hồ sơ								
1	Trần Thị Thu Trang		21/12/1982	Điều dưỡng Cao đẳng	79.38	90	98	365.38	
2	Trần Thị Phương Thảo		19/9/1995	Điều dưỡng Cao đẳng	80.63	85	97	359.63	
3	Trần Thị Thùy Mai		15/10/1989	Điều dưỡng Cao đẳng	81.56	85	95	356.56	
4	Phùng Thạch Thảo		05/06/1990	Điều dưỡng Cao đẳng	79.69	85	95	354.69	
5	Bùi Đức Lợi	12/02/1984		Điều dưỡng trung học (Y sỹ chuyển đổi)	72.89	83.75	97.5	351.64	
6	Hoàng Thị Mộng Như		22/01/1995	Điều dưỡng Cao đẳng	77.19	80	95	347.19	
7	Vũ Thị Huyền		08/7/1993	Điều dưỡng Cao đẳng	73.9	81.67	94	343.57	
8	Phạm Thu Thúy	06/03/1993		Điều dưỡng trung học (Y sỹ chuyển đổi)	72.02	78.75	94.75	340.27	

9	Đoàn Công Minh	18/06/1997		Điều dưỡng trung học (Y sỹ chuyển đổi)	69.74	80	95.25	340.24	
10	Lâm Huyền Trang		18/10/1994	Điều dưỡng Cao đẳng	77.19	85	88.5	339.19	
11	Nguyễn Thị Lan Phương		23/10/1993	Điều dưỡng trung học (Y sỹ chuyển đổi)	71.64	72.75	97.25	338.89	
12	Phạm Thị Hường		02/02/1994	Điều dưỡng trung học (Y sỹ chuyển đổi)	70.46	83.5	91.5	336.96	
13	Nguyễn Văn Lượng	20/05/1991		Điều dưỡng trung học (Y sỹ chuyển đổi)	70.71	79.75	92.5	335.46	
14	Chu Xuân Tiến	17/12/1984		Điều dưỡng trung học (Y sỹ chuyển đổi)	67.19	80.75	93.75	335.44	
15	Trần Thị Khương		29/10/1996	Điều dưỡng Cao đẳng	75.86	76.67	91	334.53	
16	Lê Thị Tuyết Mai		07/10/1995	Điều dưỡng Cao đẳng	73.57	76.67	92	334.24	
17	Đỗ Thị Lan Anh		21/01/1995	Điều dưỡng Cao đẳng	79.06	85	85	334.06	
18	Phạm Văn Hưng	04/03/1995		Điều dưỡng trung học (Y sỹ chuyển đổi)	75.19	77.5	90	332.69	
19	Nguyễn Nam Sơn	16/8/1994		Điều dưỡng Cao đẳng	76.25	80	87	330.25	
20	Nguyễn Thị Kim Chi		08/02/1996	Điều dưỡng Cao đẳng	71.44	78.3	90	329.74	
21	Trần Thị Vân		01/12/1993	Điều dưỡng Cao đẳng	65	76.67	94	329.67	
22	Phạm Thị Thanh Mai		20/8/1994	Điều dưỡng Cao đẳng	71.83	80	88.5	328.83	

23	Trần Thị Hải Yến		23/7/1994	Điều dưỡng Cao đẳng	68.36	75	92.25	327.86	
24	Trần Thị Huế		09/11/1987	Điều dưỡng Trung học	66.24	66.67	97	326.91	
25	Nguyễn Thị Chi		24/3/1994	Điều dưỡng Cao đẳng	75.31	75	87.5	325.31	
26	Nguyễn Xuân Kiên	06/10/1987		Điều dưỡng trung học (Y sỹ chuyển đổi)	71.64	71.5	89	321.14	
27	Phùng Anh Tú	04/10/1991		Điều dưỡng trung học (Y sỹ chuyển đổi)	61.97	74.75	76	288.72	